

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2022.

V/v Ly hôn; tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hiền; bà Đoàn Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến
Xương, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST-
HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn; tranh chấp nuôi con khi ly hôn”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10
tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày
27/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Chị Bùi Thị H, sinh năm 1982*

2. Bị đơn: *Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1972*

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện K, tỉnh Thái
Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì
nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T hay uống rượu chửi mắng vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc dù chị đã nhiều lần nói chuyện, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2020 vợ chồng đã ly thân, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 20/7/2006, con đang học lớp 10 trường PTTH D, huyện K và Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 17/02/2014, con đang học lớp 2 trường Tiểu học xã Q, huyện K; cả hai con đang ở cùng anh chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con vì các con đang học tập và có cuộc sống ổn định, chị yêu cầu anh Triển cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000đ đến 1.200.000đ/tháng/con (hai con từ 2.000.000đ đến 2.400.000đ/tháng). Hiện nay chị là giáo viên trường mầm non xã Q, thu nhập hằng tháng ổn định là 10.000.000đ/tháng (có bảng lương và thu nhập). Anh T là bộ đội nghỉ hưu, lương là 6.000.000đ/tháng.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh và chị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình chị H, trong quá trình chung sống anh đã làm tròn trách nhiệm của người con, người chồng và người cha, luôn có trách nhiệm với gia đình và vợ con, kính trên nhường dưới, được mọi người tin yêu quý mến. Anh đã từng phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam gần 30 năm, đến năm 2017 anh được nghỉ chế độ hưu trí, sức khỏe yếu, nhiều bệnh tật. Chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh yêu và có trách nhiệm với chị H, các con và gia đình, anh không có hành vi bạo lực gia đình, không vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Huyền T, sinh năm 2006 và Nguyễn Tuấn D, sinh năm 2014, cả hai con đang là học sinh. Do không đồng ý ly hôn nên anh không đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng các con.

*) Bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị Bùi Thị H) trình bày:

Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Xuân T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình bà, đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Nguyên nhân là do anh T hay uống rượu, chửi mắng vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 8/2020, chị H và anh T ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Bà thấy chị H và anh T không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị H và anh T có 02 con chung như chị H đã trình bày, từ khi các cháu còn nhỏ cho đến nay đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vì anh T là bộ đội đóng quân ở xa, anh T mới nghỉ hưu về địa phương sinh sống. Bà đề nghị Tòa án giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, bà và gia đình sẽ hỗ trợ chị H trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị H là giáo viên mầm non, thu nhập ổn định, lương hưu của anh T thế nào bà không biết.

Tài sản của chị H và anh T do hai người tự giải quyết, vợ chồng không nợ tổ chức, cá nhân nào.

*) Ông Nguyễn Xuân B (bố đẻ của anh Nguyễn Xuân T) trình bày:

Lý do chị H xin ly hôn anh T thì ông không rõ vì anh T sinh sống tại gia đình chị H (ở rể). Quá trình chung sống giữa anh T và chị H không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, có thể do lỗi của cả 02 người nhưng không thông cảm và chia sẻ với nhau dẫn đến việc ly thân và chị H xin ly hôn anh T. Ông thấy chị H và anh T vẫn còn khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án tạo điều kiện để hai người nói chuyện, chia sẻ và hiểu nhau hơn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Trường hợp chị H và anh T ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn D vì cháu là con trai, anh Tr có lương hưu, có thời gian để chăm sóc con, chị H là giáo viên mầm non nên thời gian dành cho con ít hơn. Ông và gia đình sẽ hỗ trợ anh T trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi chị H và anh T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, chị H làm giáo viên mầm non ở quê nhà, anh T là bộ đội, vợ chồng chung sống tại gia đình chị H. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn thế nào thì địa phương không rõ vì không ai có đơn đề nghị địa phương hòa giải. Việc chị H xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H và anh Tr có 02 con chung như chị H đã trình bày là đúng, cả chị H và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Việc giao con cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, đảm bảo quyền lợi cho con, phù hợp quy định của pháp luật. Về tài sản chung của chị H và anh T thì địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn anh Tr, đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con từ 1.200.000 đồng đến 1.500.000 đồng/tháng/con. Trường hợp anh T không nhất trí thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tuấn D, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huyền T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T không đồng ý ly hôn, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tuấn D, chị H trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huyền T, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 17/02/2014; giao cho anh T trực tiếp nuôi

dưỡng con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 20/7/2006; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- + Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.
- + Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.
- + Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Xuân Tr vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do. Nguyên đơn là chị Bùi Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Xuân T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, không tin tưởng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị H và anh T ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Huyền T, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 17/02/2014, hiện nay cả hai con đang ở cùng chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con hoặc trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tuấn D; anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Tuấn D, chị H và anh T đều chứng minh điều kiện để nuôi con. Xét yêu cầu của các đương sự Hội đồng xét xử thấy: Chị H và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con nên cần giao cho mỗi người nuôi dưỡng 01 con. Cháu Nguyễn Huyền T đã gần 16 tuổi, đã có thể tự giải quyết được một số việc của bản thân nên cần giao cho anh T trực tiếp

nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Tuấn D còn nhỏ tuổi, đang trong thời gian rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ là chị H nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con vì không ai yêu cầu là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Bùi Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn D, 17/02/2014; giao cho anh Nguyễn Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Huyền T, sinh ngày 20/7/2006. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001617 ngày 19/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Q, huyện K (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thái